

BÁO CÁO

V/v Ban kiểm soát báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, các quy định nhà nước hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cát Lợi;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Cát Lợi đã được Kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Ban kiểm soát báo cáo tình hình và kết quả hoạt động năm 2022 tại Công ty cổ phần Cát Lợi trước Đại hội đồng cổ đông một số vấn đề như sau:

I. Tổng quan về tình hình hoạt động, thù lao chi phí của Ban kiểm soát

1. Về thành phần

Ban kiểm soát gồm có: 3 thành viên.

- Bà: Trần Thị Ánh - Trưởng ban kiểm soát
- Bà: Đỗ Thu Hà - Kiểm soát viên
- Ông: Nguyễn Tiến Bắc Nam - Kiểm soát viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành;

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ..

- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.

- Làm việc và lập báo cáo hàng quý, đồng thời có gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty, báo cáo có phân tích so sánh và kiến nghị một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính và các công tác khác.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty theo thư mời.

- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.



- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên:

Thù lao và các lợi ích khác sau thuế TNCN của Ban kiểm soát năm 2022 là: **1.358.819.142 đồng** cụ thể như sau:

- | | |
|--|------------------|
| - Bà: Trần Thị Ánh: | 948.027.142 đồng |
| - Bà: Đỗ Thu Hà (<i>Bổ nhiệm lại ngày 26/05/22</i>): | 221.627.000 đồng |
| - Ông: Nguyễn Thế Long (<i>Hết nhiệm kỳ 27/05/21</i>): | 5.313.600 đồng |
| - Ông: Huỳnh Nam (<i>Miễn nhiệm ngày 26/05/22</i>): | 85.573.200 đồng |
| - Ông: Nguyễn Bắc Tiên Nam (<i>Bổ nhiệm ngày 26/05/22</i>) | 98.278.200 đồng |

II. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kiến nghị của BKS.

1. Tổ chức các cuộc họp

Ban kiểm soát họp trong năm và thực hiện kiểm tra giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định cụ thể.

- Ngày 27/01/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo hoạt động của ban & báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

- Ngày 23/03/2022 Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

- Ngày 28/04/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2022 của Công ty. Ban kiểm soát triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban.

- Ngày 06/05/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Ngày 26/05/2022; Ban kiểm soát họp kỳ 1/2022 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát Quý II & Quý III năm 2022.

- Ngày 20 và 21/07/2022; Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, công cụ lao động, phụ tùng thay thế, tình hình công nợ, tiêu thụ sản phẩm, chi phí 6 tháng đầu năm 2022 và tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2022.

- Ngày 21/07/2022; Ban kiểm soát họp kỳ 2/2022 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết Hội đồng quản trị và các khoản mục chi phí công nợ, thế chấp vay vốn Ngân hàng và soát xét, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022.

- Ngày 27/10/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động xuất kinh doanh Quý III/2022 của Công ty.

- Ngày 16 và 17/11/2022; Ban kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của hội đồng quản trị, các hợp đồng mua bán, tình hình công nợ phải thu, phải trả, các

khoản đầu tư, danh mục tài sản, các quy chế của Công ty và các khoản mục chi phí đến T10/2022.

- Ngày 17/11/2022; Ban kiểm soát họp kỳ 3/2022 nội dung xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4/2022.

- Trưởng ban tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ.

- Ngoài các cuộc họp trên, Trưởng ban tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban về kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty... Trưởng ban kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại, email tới các thành viên trong ban về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Các kiến nghị của Ban kiểm soát.

Sau các đợt kiểm tra Ban kiểm soát đã có những kiến nghị cụ thể đối với Công ty trong các biên bản làm việc và họp trao đổi trực tiếp kết quả làm việc.

III. Kết quả giám sát các hoạt động và tình hình tài chính của Công Ty

1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD cơ bản năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ +/- (%)
A. Tài sản ngắn hạn	1.340.988.754.015	1.014.617.274.620	326.371.479.395	32,17%
1. Tiền, tương đương tiền	24.018.704.684	61.971.518.986	-37.952.814.302	-61,24%
2. Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	0	0	0	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	259.371.060.565	202.817.604.290	56.553.456.275	27,88%
4. Hàng tồn kho	1.026.571.466.827	742.317.282.214	284.254.184.613	38,29%
5. Tài sản ngắn hạn khác	31.027.521.939	7.510.869.130	23.516.652.809	313,10%
B. Tài sản dài hạn	44.124.259.324	44.025.194.693	99.064.631	0,23%
1. Các khoản phải thu dài hạn	1.510.230.000	1.500.000.000	10.230.000	0,68%
2. Tài sản cố định	37.665.053.405	31.853.321.925	5.811.731.480	18,25%
3. Tài sản dở dang dài hạn	10.785.185	254.753.782	-243.968.597	-95,77%
4. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	-
5. Tài sản dài hạn khác	4.938.190.734	10.417.118.986	-5.478.928.252	-52,60%
Tổng cộng tài sản	1.385.113.013.339	1.058.642.469.313	326.470.544.026	30,84%
A. Nợ phải trả	543.472.403.975	277.872.776.520	265.599.627.455	95,58%
1. Nợ ngắn hạn	542.966.408.893	277.366.781.438	265.599.627.455	95,76%
2. Nợ dài hạn	505.995.082	505.995.082	0	0,00%
B. Vốn chủ sở hữu	841.640.609.364	780.769.692.793	60.870.916.571	7,80%
1. Vốn chủ sở hữu	841.640.609.364	780.769.692.793	60.870.916.571	7,80%
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0	0	-
Tổng cộng nguồn vốn	1.385.113.013.339	1.058.642.469.313	326.470.544.026	30,84%

(*) Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước.

1.1. Nhận xét về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về tình hình tài chính: Tổng tài sản, nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 1.385,11 tỷ tăng so với đầu năm 2022 là 30,84% tương ứng 326,47 tỷ.

*** Tình hình tài sản, nguồn vốn so với đầu năm 2022.**

a. Tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 32,17% tương ứng 326,37 tỷ chủ yếu do:

Hàng tồn kho tăng 38,29% tương ứng 284,25 tỷ do việc dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trước tình hình khan hiếm nguyên vật liệu cũng như việc tăng giá nguyên vật liệu; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 27,88% tương ứng 56,55 tỷ chủ yếu do các khoản công nợ này chưa đến hạn thanh toán cũng như việc tăng doanh thu bán hàng vào những tháng cuối năm 2022; Tài sản ngắn hạn khác tăng 313,10% tương ứng 23,52 tỷ chủ yếu do việc tăng thuế GTGT được khấu trừ và tăng các khoản chi phí chờ phân bổ; Mặt khác tiền và tương đương tiền giảm 61,24% tương ứng 37,95 tỷ do đã thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Tài sản dài hạn tương đương so với đầu năm 2022, trong đó tăng đầu tư TSCĐ mới làm tăng 40,33 tỷ, tăng khấu hao TSCĐ năm 2022 làm giảm 34,52 tỷ và giảm chi phí phụ tùng xuất dùng chờ phân bổ dài hạn 5,48 tỷ

b. Nguồn vốn:

+ Nợ phải trả tăng 95,58% tương ứng 265,60 tỷ chủ yếu do:

Nợ phải trả ngắn hạn tăng 95,76% tương ứng 265,60 tỷ trong đó: Nợ vay ngân tăng 145,16% tương ứng 162,23 tỷ so với đầu năm do việc bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Phải trả người bán tăng 86,08% tương ứng 95,80 tỷ do việc mua hàng dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất dẫn đến phải trả người bán tăng; Các khoản phải trả, phải nộp khác tăng 28,64% tương ứng 11,57 tỷ chủ yếu do tăng khoản phải trả người lao động và tăng Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Mặt khác các khoản thuế phải nộp giảm 30,09% tương ứng 4,14 tỷ.

Nợ phải trả dài hạn (Nhận tiền ký quỹ của 2 Công ty thuê điện lưới mặt trời) tương đương so với đầu năm 2022.

Vốn chủ sở hữu tăng 7,80% tương ứng 60,87 tỷ từ việc tăng lợi nhuận trong năm 2022 và việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nhìn chung cơ cấu nguồn vốn năm tại thời điểm 31.12.2022 đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2022 lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 175,94 tỷ, các khoản phải thu, phải trả tăng do doanh thu bán hàng tăng, vay ngân hàng tăng để bổ sung vốn lưu động, hàng tồn kho cuối năm tăng do Công ty đã sắp xếp đầy mạnh hoạt động sản xuất và dự trữ nguyên vật liệu đầu vào khan hiếm do giá tăng cao, Công ty tiếp tục cân đối nguồn nguyên liệu để phục vụ sản xuất cho phù hợp.

2. Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 so với năm 2021.

Kết quả SXKD	Năm 2022	Năm 2021	Tăng(+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1. Tổng Doanh thu	2.314.853.007.651	2.150.048.919.075	164.804.088.576	7,67
- Doanh thu bán hàng	2.304.869.186.924	2.142.096.427.823	162.772.759.101	7,60
- Doanh thu HĐTC	8.605.163.599	7.181.125.250	1.424.038.349	19,83
- Thu nhập khác	1.378.657.128	771.366.002	607.291.126	78,73
2. Tổng chi phí	2.138.912.420.415	1.971.879.575.240	167.032.845.175	8,47
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	175.940.587.236	178.169.343.835	(2.228.756.599)	(1,25)
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.490.230.717	35.969.775.085	(479.544.368)	(1,33)
5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
6. Lợi nhuận sau thuế	140.450.356.519	142.199.568.750	(1.749.212.231)	(1,23)
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.823	4.889	(66)	(1,35)
8. Số ngân sách phải nộp	162.108.261.578	176.045.586.076	(13.937.324.498)	(7,92)
9. Số ngân sách đã nộp	166.250.151.720	174.403.489.321	(8.153.337.601)	(4,67)
10. Tiền lương				
Tổng quỹ lương thực hiện	92.773.511.001	89.074.909.112	3.698.601.889	4,15
- Số lao động BQ (người)	314	311	3	0,96
- Thu nhập BQ (đ/ng/tháng)	32.504.736	32.341.066	163.670	0,51
Trong đó				
+ Quỹ lương	24.621.420	23.867.875	753.545	3,16
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.786.072	3.456.147	329.925	9,55
+ Hoàn thành kế hoạch	4.097.244	5.017.044	(919.800)	(18,33)

(* Số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố theo Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước.

3. Phân tích đánh giá

a. Về hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2022 so với năm 2021.

- Tổng doanh thu năm 2022 là: 2.314,85 tỷ đạt 114,88% so với kế hoạch năm 2022 (2.015 tỷ); so với thực hiện năm 2021 (2.150 tỷ) tổng doanh thu của Công ty tăng 7,67% tương ứng tăng 164,80 tỷ đồng, trong đó chủ yếu tăng doanh thu từ hoạt động bán hàng.

- Tổng chi phí năm 2022 là: 2.138,91 tỷ so với năm 2021 tăng 8,47%, tương ứng tăng 167,03 tỷ đồng, nếu so với tốc độ tăng doanh thu, thì tốc độ tăng chi phí năm 2022 của Công ty cũng tăng 0,80% điều đó đồng nghĩa với việc Công ty đã tăng chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí lãi vay. Trong năm 2022 với lãi suất tiền vay tăng, tỷ giá đồng USD tăng do tình hình lạm phát toàn cầu làm cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng dẫn đến giá vốn và chi phí tài chính tăng thêm.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 là: 8,60 tỷ đồng bao gồm lãi tiền gửi 0,15 tỷ, lãi chênh lệch tỷ giá 6,06 tỷ đồng, so với năm 2021 là 7,18 tỷ đồng tăng 1,42 tỷ đồng do lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm & doanh thu hoạt động tài chính khác.

- Chi phí tài chính năm 2022 là: 39,06 tỷ đồng (chủ yếu bao gồm các khoản chi phí lãi vay: 7,85 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá 10,01 tỷ đồng, chiết khấu thanh toán: 21,2 tỷ đồng, so với năm 2021 là 20,20 tỷ đồng tăng 18,86 tỷ chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2022:

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt: 175,94 tỷ so với năm 2021 là 178,16 tỷ giảm 1,25%, tương ứng giảm 2,23 tỷ đồng; so với lợi nhuận kế hoạch năm (150 tỷ đồng) tăng 25,94 tỷ đồng tương ứng tăng 17,3%.

Năm 2022 là một năm gặp rất nhiều khó khăn đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thuốc lá nói riêng. Đầu năm, khi dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp với những biến chủng mới tại các thị trường xuất khẩu của các đơn vị thuốc lá. Xung đột giữa hai quốc gia Nga và Ukraina làm ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng tới nguồn cung năng lượng góp phần làm chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn làm ảnh hưởng trực tiếp tới việc nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào và chi phí logistics tăng cao. Đồng thời ảnh hưởng lớn tới giá cả theo chiều hướng tăng. Điều này sẽ là thử thách rất lớn cho Công ty trong năm bởi chi phí đầu vào tăng cao.

Lãi suất cho vay và tỷ giá USD/VND trong những tháng cuối năm 2022 có xu hướng tăng, các ngân hàng thương mại đều siết chặt chính sách tín dụng do ngân hàng nhà nước đã giới hạn hạn mức tín dụng, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn. Đặc biệt trong những tháng cuối năm, để đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra thì Công ty cần phải có nguồn vốn xoay vòng sản xuất hàng hóa, trong khi nguồn vốn một phần là vốn vay từ ngân hàng. Việc này sẽ gây nhiều khó khăn trong việc sắp xếp đẩy mạnh hoạt động sản xuất và dự trữ nguyên liệu đầu vào nên Công ty phải cân đối chi phí sản xuất sao cho phù hợp. Trước tình hình đó tập thể Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã đoàn kết thống nhất trên mọi mặt công tác, đã nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022.

b. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính.

STT	Diễn giải	Năm 2022	Năm 2021	Tăng/Giảm
I	Về cơ cấu nguồn vốn			
	Tỷ suất công nợ phải trả/nguồn vốn (%)	39,24	26,25	12,99
	Tỷ suất nợ ngắn hạn/nguồn vốn (%)	39,24	26,25	12,99
	Tỷ suất nợ dài hạn/nguồn vốn (%)	-	-	-
	Tỷ suất vốn chủ sở hữu/nguồn vốn (%)	60,76	73,75	(12,99)
II	Về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2,47	3,66	(1,19)
	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,58	0,98	(0,40)
III	Về độ sinh lời của vốn kinh doanh			
	Tỷ suất LN trước thuế so với doanh thu (%)	7,63	8,32	(0,69)
	Tỷ suất LN sau thuế so với doanh thu (%)	6,09	6,64	(0,55)

(*) Số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố theo Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước.

Tỷ suất nợ phải trả trên nguồn vốn tăng 12,99% so với năm trước, cho thấy nghĩa vụ thanh toán tăng hơn so với năm 2021.

Hệ số thanh toán hiện thời ngắn hạn năm 2022 là 2,47 lần giảm 1,19 lần và > 1 cho thấy Công ty vẫn đáp ứng tốt khả năng thanh toán ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty là 0,58 lần giảm 0,40 lần so với cùng kỳ năm trước cho thấy khả năng thanh toán nhanh cũng như các khoản thanh toán đột xuất khác của Công ty tương đối ổn định.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty luôn được đảm bảo. Công ty thanh toán đúng hạn các khoản vay, không có nợ phải trả quá hạn tại thời điểm cuối kỳ năm 2022.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với doanh thu năm 2022 là: 7,63% giảm 0,69% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do tốc độ tăng doanh thu thuần nhiều hơn so với tốc độ tăng lợi nhuận trước thuế.

IV. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý

1. Việc tuân thủ quy định hiện hành và thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT:

Trong năm Công ty đã ban hành 14 Nghị quyết của HĐQT (Danh sách các Nghị quyết đã được Hội đồng quản trị công bố tại Báo cáo số 45/BC-CPCL ngày 18/01/2023 về tình hình quản trị Công ty cổ phần Cát Lợi năm 2022.

Hội đồng quản trị đã tích cực triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện và tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm.

2. Công tác tổ chức họp và ban hành Nghị quyết

Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ bằng nhiều hình thức nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả.

3. Công tác điều hành Công ty

Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám Đốc

- Tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ Công ty.
- Thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022.

V. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và Cổ đông

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có Ban kiểm soát tham dự. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc.

- Thường xuyên phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

VI. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

1. Kiểm tra giám sát việc tổ chức hoạt động kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban giám đốc thông qua việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

2. Xem xét việc thực hiện mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm . Xem xét tình hình quản trị tài chính Công ty.

3. Kiểm tra giám sát việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, điều lệ Công ty.

4. Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ.

5. Thực hiện kiểm tra, giám sát các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn đồng hành tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Xin chúc Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BGĐ;
- Các phòng ban;
- Cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.



Trần Thị Ánh